Người ký: TRUNG TÂM THÔNG TIN - HỘI NGHỊ TỈNH QUẢNG NGÃI
Email: tthn@quangngai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 03.11.2026 07:36:42 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 411 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030); xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 6172/SYT-DS ngày 27/10/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn và các nhóm dân số dễ bị tổn thương, được tiếp cận đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, bình đẳng và có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân, giảm nhu cầu chưa được đáp ứng về kế hoạch hóa gia đình, nhất là ở vị thành niên, thanh niên; góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn so với năm 2025.

- 90% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- 100% xã, phường, đặc khu tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản.

- 100% xã, phường, đặc khu có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng theo quy định.

- Trên 95% xã, phường, đặc khu thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; tuyên truyền về hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

3. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện

- Phạm vi: Trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đối tượng thụ hưởng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; trong đó chú trọng vị thành niên, thanh niên.

- Đối tượng tác động: Người dân; các ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

1. Tăng cường tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại

- Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép công tác kế hoạch hóa gia đình vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án có liên quan; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác kế hoạch hóa gia đình.

- Củng cố và đa dạng hóa mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập đủ điều kiện; phát huy vai trò của Trạm Y tế trong tư vấn, cung cấp và kết nối dịch vụ; đa dạng hóa các kênh cung cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ.

- Bảo đảm tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình công bằng, bình đẳng, không phân biệt đối xử; ưu tiên các nhóm khó tiếp cận, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn có mức sinh cao, khu công nghiệp và nơi tập trung đông lao động trẻ.

- Đa dạng hóa hình thức cung cấp dịch vụ phù hợp với đặc điểm từng nhóm dân cư; chú trọng các hình thức tư vấn, cung cấp dịch vụ tại cộng đồng, lưu động hoặc tại nơi làm việc đối với nhóm có điều kiện tiếp cận dịch vụ hạn chế.

2. Giảm có thai ngoài ý muốn ở vị thành niên, thanh niên

- Thu thập, cập nhật số liệu về tình hình sử dụng biện pháp tránh thai và nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên, thanh niên, nhất là các nhóm khó tiếp cận dịch vụ, làm cơ sở xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức cung cấp dịch vụ phù hợp.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong các cơ sở giáo dục phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi và đặc điểm của học sinh.

- Phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện với vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập đủ điều kiện; bảo đảm thuận tiện, riêng tư, bảo mật, không kỳ thị và phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng.

- Nâng cao chất lượng tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ; chú trọng hướng dẫn lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp, sử dụng an toàn, theo dõi và xử trí các vấn đề phát sinh sau sử dụng theo hướng dẫn chuyên môn.

- Tăng cường truyền thông, giáo dục và tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại phù hợp với vị thành niên, thanh niên; huy động sự tham gia của gia đình, nhà trường và cộng đồng.

3. Củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Củng cố, phát triển mạng lưới cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT) và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) từ tỉnh đến cơ sở; bảo đảm các cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ lâm sàng và phi lâm sàng theo quy định. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn có mức sinh cao, khu công nghiệp và nơi tập trung đông lao động trẻ.

- Chủ động dự báo nhu cầu, xây dựng kế hoạch mua sắm, phân bổ và cung ứng PTTT từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác; bảo đảm nguồn cung đầy đủ, kịp thời, đa dạng, phù hợp với nhu cầu của từng địa bàn, nhóm đối tượng, không để gián đoạn dịch vụ và hạn chế tình trạng tồn kho.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cung cấp dịch vụ KHHGĐ thông qua đào tạo, đào tạo lại, tập huấn và cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tư vấn, cung cấp và theo dõi sử dụng các biện pháp tránh thai; chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ tuyến cơ sở, cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn, bản.

- Khuyến khích xã hội hóa, tạo điều kiện để các cơ sở y tế ngoài công lập đủ điều kiện tham gia cung cấp PTTT và dịch vụ KHHGĐ; phát triển các hình thức cung cấp phù hợp với công nhân tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các nhóm đối tượng đặc thù.

- Tăng cường quản lý hậu cần PTTT và hệ thống thông tin về cung cấp dịch vụ KHHGĐ; cập nhật đầy đủ chỉ tiêu, chỉ báo và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi nhu cầu, sử dụng PTTT và cung cấp dịch vụ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và cải tiến chất lượng dịch vụ KHHGĐ; bảo đảm tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn chuyên môn, an toàn người sử dụng, quyền tự nguyện lựa chọn và bảo mật thông tin; kịp thời khắc phục những hạn chế trong cung cấp dịch vụ và quản lý PTTT.

4. Tăng cường truyền thông, tư vấn và vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình

- Đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức truyền thông về KHHGĐ; kết hợp truyền thông đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, tư vấn tại cơ sở y tế, hộ gia đình và truyền thông số; xây dựng nội dung, sản phẩm phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn.

- Tăng cường tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và KHHGĐ; chú trọng tình dục an toàn, lựa chọn và sử dụng PTTT, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, dự phòng vô sinh, hệ lụy của phá thai và quyền của người sử dụng dịch vụ.

- Phát huy vai trò của cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản và các tổ chức chính trị - xã hội trong truyền thông, tư vấn, vận động người dân sử dụng PTTT và dịch vụ KHHGĐ; huy động trưởng thôn và người có uy tín trong cộng đồng tham gia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội và hình thức tư vấn trực tuyến để mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, tư vấn và dịch vụ; tăng cường tương tác, tiếp nhận phản hồi của người sử dụng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Lồng ghép truyền thông KHHGĐ với các chương trình, kế hoạch, đề án và hoạt động truyền thông khác của địa phương; biên soạn, cung cấp tài liệu và sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 được giao và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai Kế hoạch; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu của Cam kết FP2030.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc củng cố, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; bảo đảm cung ứng phương tiện tránh thai, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số; nâng cao năng lực cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, hướng dẫn tình hình thực hiện Kế hoạch tại các địa phương, đơn vị.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Cam kết FP2030 trên địa bàn tỉnh; xây dựng báo cáo tổng kết gửi Bộ Y tế trước ngày 15 tháng 12 năm 2030 theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối, phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi; trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho học sinh, sinh viên. Phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng tránh mang thai ngoài ý muốn cho học sinh, sinh viên.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền về KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và thực hiện chính sách dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở. Lồng ghép nội dung KHHGĐ, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, bình đẳng giới và nâng cao chất lượng dân số trong các hoạt động văn hóa, thể thao và phong trào xây dựng đời sống văn hóa.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai ứng dụng công nghệ số, các nền tảng số và giải pháp công nghệ trong quản lý, thu thập dữ liệu, truyền thông, tư vấn và cung cấp thông tin về KHHGĐ; góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp tuyên truyền, vận động người dân, người có uy tín, trưởng thôn và các lực lượng tại cộng đồng nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về hôn nhân, sinh đẻ và sử dụng các biện pháp tránh thai phù hợp.

7. Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ KHHGĐ vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, quy định về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các nội dung của Cam kết FP2030.

9. UBND các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương bảo đảm đồng bộ, kịp thời, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Cam kết FP2030.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Y tế)* để xem xét, hướng dẫn hoặc tham mưu chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX$_{LMC801}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Sâm